THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5701436805 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, thay đổi lần 7 ngày 29/12/2015)

Địa chỉ: Số 304 Đường Trần Phú, Phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033 3715 066 Fax: 033 3715 067

Website: www.minegeology.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Lưu Tiến Quỳnh** Chức vụ: TP. TCNS – Thư ký HĐQT

Số điện thoại: 033 3968242 Số Fax: 033 3968242

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 1
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH 2
1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch 2
2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch 2
3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: 3
4. Quá trình tăng vốn của công ty 5
5. Cơ cấu tổ chức Công ty 5
6. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 6
7. Cơ cấu cổ đông 10
8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết: 10
9. Hoạt động kinh doanh 11
10. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 16
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 18
12. Chính sách đối với người lao động 19
13. Chính sách cổ tức 20
14. Tình hình tài chính 20
15. Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty) 24
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 27
17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch 28
18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 28
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có) 28
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY 29
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị 29
2. Ban kiểm soát 35
3. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty 39
IV. PHỤ LỤC 39

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty 10
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần 10
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu qua các năm 11
Bảng 4: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 12
Bảng 5: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết 16
Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm 16
Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty 19
Bảng 8: Bảng trích lập các quỹ của Công ty 21
Bảng 9: Các khoản phải thu 21
Bảng 10: Các khoản phải trả 23
Bảng 11: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 24
Bảng 12: Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015 24
Bảng 13: Tình hình đất đai của Công ty 26
Bảng 14: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 27

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản tóm tắt thông tin này có nội dung như sau:

TKV	:	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
VP	:	Văn phòng
MTV	:	Một thành viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
LN	:	Lợi nhuận
GCNQSDĐ	:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
CN	:	Chi nhánh
BCTC	:	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, năm 2014, năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV
Tên tiếng Anh	:	Vinacomin – Mining Geology Join Stock Company
Tên viết tắt	:	VMG
Trụ sở chính	:	Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại	:	033 371 5066
Fax	:	033 371 5067
Website	:	www.minegeology.vn
Vốn điều lệ đăng ký	:	108.000.000.000 đồng. (Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn)
Vốn điều lệ thực góp		108.000.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn)
Người đại diện theo pháp luật		Ông Vũ Văn Mạnh, Chức danh: Giám đốc
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, thay đổi lần 7 ngày 29/12/2015
Ngành nghề kinh doanh chính	:	- Điều tra cơ bản, thăm dò phục vụ khai thác than và các tài nguyên khoáng sản khác; - Khảo sát đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò; - Đo địa vật lý Karota. Sản xuất vật liệu xây dựng và các dịch vụ địa chất khác; - Dịch vụ ăn uống, phục vụ điều dưỡng tập trung gồm tắm nước khoáng nóng và xoa bóp.

2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: MGC
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 10.800.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: *277.540 cổ phần, trong đó:*

+Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của CBCNV đăng ký mua theo số năm cam kết làm việc tại Công ty khi cổ phần hóa: 277.540 cổ phần (chiếm 2,57% chứng khoán

đăng ký)

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoánvà Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tại thời điểm ngày 08/03/2015, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoai tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Địa chất Mỏ – TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo Quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.

Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo Quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.

Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.

Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 về việc thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CNNg-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.

Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.

Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS. Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).

Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp sếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra Quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mỏ trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ra Quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV.

Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ra Quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 314/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 28 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định số 119/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 17/08/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (Thời điểm 0h ngày 01/04/2015).

Ngày 06/10/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định số 1987/QĐ-TKV về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 19/11/2015, tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV, giá đấu thành công bình quân 10.083 đồng/cổ phiếu.

Ngày 25/12/2015, Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập công ty cổ phần. Ngày 29/12/2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5701436805 với vốn điều lệ là 108.000.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ đồng).

Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2016, kế thừa các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV theo các quy định của pháp luật.

Ngày 09/03/2016, CTCP Địa chất Mỏ - TKV được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng công văn số 1086/UBCK–GSDC ngày 09/03/2016 theo công văn số 1086/UBCK–GSDC.

Ngày 06/04/2016 Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 28/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 10.800.000 cổ phần.

4. Quá trình tăng vốn của công ty

Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ thời điểm 01/01/2016 với vốn điều lệ là 108.000.000.000 đồng, từ thời điểm đó đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn.

5. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty được thể hiện dưới sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

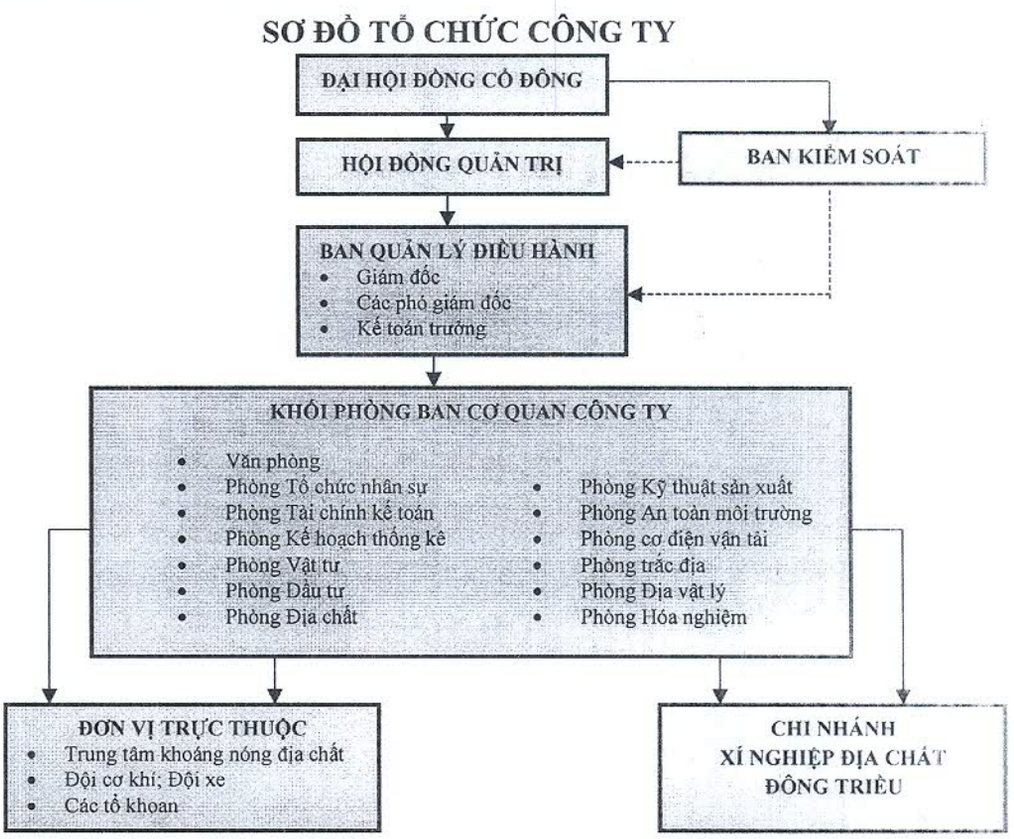

6. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

❖ ***Đại hội đồng cổ đông***

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

❖ ***Hội đồng quản trị***

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

❖ ***Ban kiểm soát***

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu , thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm có một Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật và các Phó Giám đốc giúp việc, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của Giám đốc và Phó Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

❖ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban**

✓ **Văn phòng**

- Văn phòng Công ty là bộ phận tham mưu, giúp việc của Giám đốc, lãnh đạo Công ty, thực hiện chức năng tổng hợp, điều phối của các phòng ban, Chi nhánh trực thuộc và các tổ, đội trực tiếp sản xuất theo chương trình, kế hoạch công tác của Công ty;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ hành chính quản trị và văn phòng Giám đốc.

✓ **Phòng Tổ chức nhân sự**

- Tham mưu về các lĩnh vực: Tổ chức - Cán bộ - Lao động - Tiền lương; chế độ chính sách đối với người lao động;
- Quản lý và thực hiện nghiệp vụ Tổ chức - Cán bộ - Lao động - Tiền lương;
- Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh dịch trong toàn Công ty.

✓ **Phòng Tài chính kế toán**

- Tham mưu về lĩnh vực Tài chính - Kế toán, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- Chuẩn bị đủ nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty;
- Tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật;

✓ **Phòng Kế hoạch - Thống kê**

- Tham mưu công tác kế hoạch - thống kê và Quản trị chi phí;
- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và kế hoạch Kinh tế - Xã hội hàng năm của toàn Công ty;
- Tổng hợp, xử lý số liệu thống kê, thực hiện kế hoạch SXKD; Lập báo cáo thống kê định kỳ và các báo cáo thống kê khác theo yêu cầu; Phân tích hoạt động kinh tế.

✓ **Phòng Vật tư**

- Tham mưu xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về công tác vật tư, đáp ứng yêu cầu phục vụ SXKD của Công ty;
- Cung cấp kịp thời các chủng loại vật tư cho Chi nhánh và các tổ đội trực tiếp quản lý;
- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý, sử dụng vật tư theo quy định của TKV và quy định nội bộ Công ty;
- Thực hiện quản lý định mức sử dụng vật tư và công tác nghiệp vụ vật tư theo quy định.

✓ **Phòng Đầu tư**

- Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định;
- Chủ động đề xuất các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch năm và dài hạn;
- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Quản lý và thực hiện công tác nghiệp vụ đầu tư và xây dựng cơ bản theo quy định.

✓ **Phòng Kỹ thuật sản xuất**

- Tham mưu trong việc quản lý tổng hợp và chỉ đạo thực hiện công tác kỹ thuật thi công các công trình khảo sát, thăm dò địa chất;
- Chỉ đạo Chi nhánh thực hiện các đề án thi công, các công trình theo thiết kế kỹ thuật đã được duyệt;
- Tổng hợp tình hình thi công các công trình khoan, chủ động cân đối vị trí, khối lượng chuẩn bị thi công theo tháng, quý, năm báo cáo và đề xuất kịp với Lãnh đạo Công ty.

✓ **Phòng Địa chất**

- Tham mưu trong việc quản lý, điều hành và thực hiện công tác khảo sát, thăm dò địa chất;
- Tổ chức thành lập các Đề án/Phương án; Báo cáo điều tra đánh giá, thăm dũ địa chất khoáng sản;
- Tham gia chỉ đạo sản xuất địa chất, cập nhật và quản lý tài liệu địa chất nguyên thủy phục vụ công tác tổng hợp lưu trữ;
- Quản lý, sử dụng tài liệu lưu trữ địa chất, bảo tàng địa chất phục vụ sản xuất và nghiên cứu địa chất của Công ty;
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tin học vào công tác chuyên môn, thành lập cơ sở dữ liệu địa chất, nâng cao chất lượng tài liệu và năng suất lao động.

✓ **Phòng Trắc địa**

- Tham mưu trong việc quản lý điều hành công tác khảo sát đo đạc trắc địa;
- Trực tiếp điều hành công tác đo đạc, tính toán và báo cáo công tác kiểm kê tài nguyên than hàng quý; Kiểm tra khối lượng mỏ hàng năm theo kế hoạch cấp trên giao;
- Đo phóng các công trình khoan, địa chất phục vụ sản xuất theo yêu cầu của Công ty.

✓ **Phòng Cơ điện vận tải**

- Tham mưu trong công tác quản lý, vận hành thiết bị cơ điện vận tải, bao gồm: Thiết bị cơ điện, hệ thống cung cấp điện; thiết bị xe máy; công tác gia công, sửa chữa cơ khí, cơ điện.

✓ **Phòng An toàn - Môi trường**

- Tham mưu giúp trong việc quản lý chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường đến các đơn vị trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Là cơ quan chức năng giúp Lãnh đạo Công ty trong quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử phạt các vi phạm về an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong phạm vi toàn Công ty.

✓ **Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán**

- Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán giúp Lãnh đạo Công ty quản lý và thực hiện công tác Thanh, kiểm tra, bảo vệ, quân sự, kiểm toán nội bộ và pháp chế.

✓ **Phòng Hóa nghiệm**

- Phòng Hóa nghiệm giúp Lãnh đạo Công ty quản lý và thực hiện công tác hóa phân tích các chỉ tiêu kỹ thuật cơ lý, hóa học các loại mẫu;
- Quản lý lưu trữ mẫu; Cơ sở dữ liệu hoá nghiệm- phân tích mẫu; Hồ sơ tài liệu kỹ thuật, các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình quy phạm hoá nghiệm - phân tích mẫu;
- Phân tích các chỉ tiêu cơ lý, hoá học các loại mẫu than, đất đá và khoáng sản khác trong nội bộ và bên ngoài Công ty, đảm bảo chất lượng và thời gian yêu cầu;
- Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, hoá học các loại mẫu than, đất đá và khoáng sản khác phục vụ cho quá trình điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và hiện đại vào việc phân tích mẫu.

✓ **Phòng Địa vật lý**

- Tham mưu trong việc quản lý, điều hành công tác đo địa vật lý các công trình thăm dò địa chất trong nội bộ và các đơn vị ngoài Công ty;
- Quản lý và sử dụng các thiết bị đo địa vật lý đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Quản lý và sử dụng các nguồn phóng xạ an toàn và hiệu quả theo quy định của Nhà nước (Luật Năng lượng Nguyên tử).

❖ **Các đơn vị trực thuộc**

✓ **Đội xe**

- Là đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe và điều phối xe theo yêu cầu sản xuất và công tác của Công ty.

✓ **Đội cơ khí**

- Đội Cơ khí là đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Công ty, thực hiện chức năng sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất trong Công ty.

✓ **Trung tâm Khoáng nóng địa chất**

- Trung tâm Khoáng nóng địa chất là đơn vị hạch toán cấp phân xưởng trong cơ cấu tổ chức của Công ty, thực hiện chức năng nhiệm vụ chăm sóc, điều dưỡng tập trung, gồm: Tắm nước khoáng nóng, vật lý trị liệu và các nội dung kinh doanh khác theo giấy phép kinh doanh.

✓ **Các tổ khoan**

- Là đơn vị trực tiếp thi công các công trình khoan ngoài thực hiện theo yêu cầu sản xuất của Công ty;
- Quản lý và sử dụng hợp lý các thiết bị tài sản được giao và thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, vật tư trong việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các loại thiết bị được giao;

- Nhận các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, thiết bị, lao động, vật tư… do Công ty giao. Đảm bảo và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

7. Cơ cấu cổ đông

7.1. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 08/3/2016:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	**Cổ đông trong nước**	**988**	**10.800.000**	**100**
1	Tổ chức	1	9.351.800	86,59
2	Cá nhân	987	1.448.200	13,41
II	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0**
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**
Tổng cộng		**988**	**10.800.000**	**100**

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 08/03/2016 của CTCP Địa chất Mỏ - TKV)

7.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 08/3/2016):

Bảng 2: Danh sách cổ đông năm giữ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMT	Địa chỉ	Người đại diện sở hữu cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Ông Nguyễn Văn Dậu. Số CMND: 100773145 cấp ngày 28/07/2014 tại Công An tỉnh Quảng Ninh	9.351.800	86,59%
Tổng					**9.364.800**	**86,59%**

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 8/3/2016 của CTCP Địa chất Mỏ - TKV)

8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết:

✓ *Công ty mẹ:*

Tên công ty: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ: số 226 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Vốn điều lệ: 35.000.000.000.000 (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100256 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2014.

Tỷ lệ góp vốn thực tế tại công ty: 9.351.800 cổ phần tương đương 86,59% vốn điều lệ

- ✓ *Công ty con: không có*
- ✓ *Công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có*
- ✓ *Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch:* Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam *(thông tin chi tiết được trình bày tại phần Công ty mẹ)*

9. Hoạt động kinh doanh

9.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty bao gồm 3 hoạt động chính là Khoan thăm dò, Khảo sát trắc địa và Kinh doanh dịch vụ. Trong đó, hoạt động khoan thăm dò địa chất và Khảo sát trắc địa của Công ty chủ yếu là thực hiện các dự án khoan thăm dò phục vụ khai thác than, khoáng sản của Tập đoàn TKV. Hoạt động kinh doanh dịch vụ, Công ty có Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng cung cấp dịch vụ ngâm tắm khoáng nóng tại Cẩm Phả, Quảng Ninh.

9.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

❖ ***Cơ cấu doanh thu qua các năm***

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT %	Giá trị	Tỷ trọng/DTT %
1	*Khoan thăm dò, NV địa chất khác*	*414.964*	*95,86*	*425.797*	*93,7*
2	*Khảo sát trắc địa*	*11.595*	*2,68*	*22.283*	*4,92*
3	*Kinh doanh dịch vụ*	*6.326*	*1,46*	*5.492*	*1,21*
4	*Sản xuất kinh doanh khác*	*0*	*0*	*764*	*0,17*
	Tổng cộng	**432.885**	**100,0**	**454.436**	**100,0**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV)

Biểu đồ cơ cấu doanh thu:

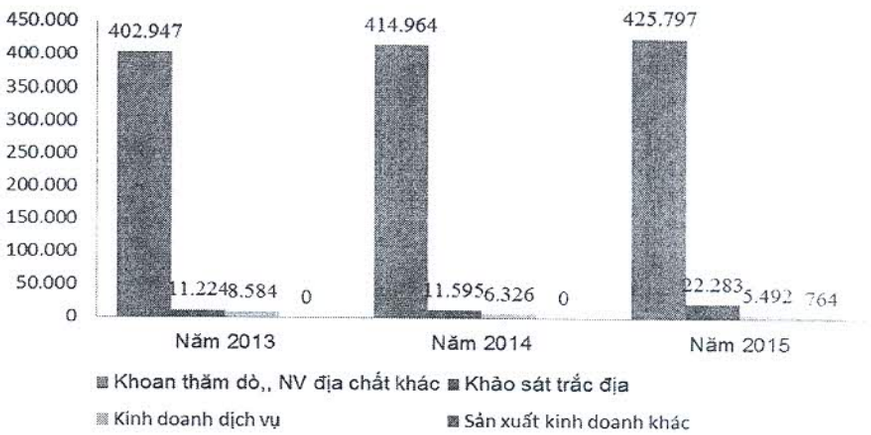

Công ty có 3 hoạt động chính phát sinh doanh thu là hoạt động khoan thăm dò, khảo sát trắc địa và kinh doanh dịch vụ. Trong đó: hoạt động khoan thăm dò đem lại nguồn doanh thu chính và luôn chiếm trên 95% tổng doanh thu của công ty. Hoạt động khoan thăm dò của công ty chủ yếu phục vụ các dự án khai thác than, khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trong Tập đoàn TKV, các doanh nghiệp ngoài TKV chiếm tỷ trọng rất nhỏ, do đó hoạt động này của Công ty sẽ biến động theo nhu cầu khai thác than. Những năm gần đây do giá than thế giới có xu hướng giảm, đồng thời giá than trong nước mất dần tính cạnh tranh khiến nhiều khách hàng của TKV chuyển qua sử dụng than nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động khoan thăm dò của công ty và doanh thu của công ty có xu hướng biến động thất thường hơn. Năm 2013 doanh thu công ty giảm 18,73% so với năm 2012, sau đó doanh thu 2014 cũng chỉ tăng nhẹ 2,39% so với năm 2013. Hoạt động khảo sát trắc địa, dịch vụ ngâm tắm khoáng nóng, chiếm tỷ trọng doanh thu thấp nhưng xu hướng nhu cầu sử dụng đang gia tăng.

❖ ***Cơ cấu chi phí SXKD***

Bảng 4: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DDTT
Giá vốn hàng bán	379.843	87,7	392.782	86,43
Chi phí tài chính	7.122	1,6	5.031	1,12
Chi phí QLDN	37.088	8,6	47.831	10,52
Tổng chi phí	**424.052**	**98,0**	**445.644**	**98,06**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

Giá vốn hàng bán của công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 86% trong cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó phần lớn là chi phí khấu hao máy móc thiết bị.

Do đặc thù hoạt động sản xuất địa chất, các công trình, dự án thường có chu kỳ sản xuất dài, dẫn đến việc tổ chức nghiệm thu thanh toán vốn chậm, vòng quay vốn lưu động chậm trong khi nguồn vốn chủ sở hữu không dồi dào (giao động từ 69 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng), Công ty phải huy động các nguồn vay và chiếm dụng vốn của các đối tác. Theo đó, chi phí tài chính của Công ty tương đối lớn, Công ty đang phải chịu áp lực nhất định về chi phí lãi vay. Tuy nhiên cùng với sự hỗ trợ một phần về lãi vay từ TKV và nỗ lực tăng cường nội lực tài chính của Công ty, chi phí tài chính của Công ty 2 năm trở lại đây có xu hướng giảm dần, cụ thể: xét về giá trị tuyệt đối chi phí tài chính năm 2014 giảm 37,1% so với năm 2013; xét tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu thuần, năm 2014 giảm 39% so với năm 2013 và năm 2015 tiếp tục giảm về giá trị tuyệt đối là 2 tỷ đồng tương đương 29,4% so với năm 2014.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: chiếm khoảng từ 6% đến hơn 10% doanh thu thuần, cho thấy mức độ biến động từng loại chi phí qua các năm là không nhiều. Bên cạnh giá vốn hàng bán thì đây là chi phí chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu chi phí. Xét về tỷ trọng của chi phí quản lí doanh nghiệp trên doanh thu thuần có xu hướng tăng qua các năm, con số này là 6,6% vào năm 2013 và 8,6% vào năm 2014, đến năm 2015 con số này là 10,52%. Là do Công ty thực hiện tái cơ cấu năm 2014, giải thể các chi nhánh tập trung về Công ty dẫn đến chi phí quản lý tăng chủ yếu là yếu tố tiền lương của nhân viên quản lý, cùng với đó là việc thực hiện cổ phần hóa vào năm 2015 cũng làm phát sinh thêm các khoản chi phí.

❖ ***Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên liệu***

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế chung cũng chịu ảnh hưởng suy giảm kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu liên tục biến động bất thường. Sự biến động của nguồn nguyên liệu của Công ty chịu sự ảnh hưởng biến động của giá cả xăng dầu, điện (đây là nguồn nguyên liệu chịu sự biến động liên tục). Giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu biến động tăng giảm sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình SXKD và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các khách hàng truyền thống, có mối quan hệ lâu dài nên sự ổn định giá cả nguyên vật liệu là tương đối. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng được định mức dự trữ nguyên nhiên liệu phù hợp nên đảm bảo duy trì sản xuất diễn ra liên tục khi nền kinh tế có sự biến động lớn về giá cả nguyên vật liệu.

❖ ***Trình độ công nghệ***

Hiện nay, Công ty đã đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong và ngoài nước. Thiết bị khoan chủ yếu có xuất xứ từ Ca-na-da, Nhật Bản và Trung Quốc, chủ yếu là thiết bị khoan sâu từ > 1.000 mét đến 1.800 mét, tổng số máy khoan có 54 bộ, đang hoạt động 48 bộ máy. Ngoài ra còn có các thiết bị phục vụ phân tích hóa nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn VILAS, 3 trạm đo địa vật lý của Anh, Nga và nhiều các thiết bị, phương tiện khác phục vụ cho công tác khảo sát, thăm dò.

Song song với công tác đầu tư thiết bị, Công ty luôn có chính sách ưu tiên tuyển dụng

những kỹ sư trẻ được đào tạo chính quy chuyên ngành, liên kết đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề với các trường đào tạo nghề ở trình độ cao đẳng có chất lượng tốt. Công ty còn thường xuyên kết hợp với Trường Đại học mỏ Địa chất, Cao đẳng công nghiệp Phúc Yên và thuê các chuyên gia nước ngoài, mở các lớp bồi dưỡng, trao đổi, ứng dụng, cập nhật kiến thức về công nghệ khoan thăm dò tiên tiến hiện nay, cho các kỹ sư, công nhân nâng cao trình độ để đáp ứng, giải quyết những yêu cầu cao của các đề án thăm dò đề ra.

Trong kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2016 – 2020 với định hướng theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty đã xây dựng kế hoạch 5 năm, trong đó theo kế hoạch Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại phù hợp, đáp ứng mọi yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao đối với công tác khảo sát, thăm dò.

❖ ***Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ***

Công ty là đơn vị chuyên ngành cung cấp dịch vụ khoan thăm dò địa chất, khoáng sản, vì vậy sản phẩm chủ yếu là khoan thăm dò để có tài liệu địa chất phục vụ các dự án khai thác mỏ của Tập đoàn TKV, các dịch vụ như lập đề án, báo cáo địa chất, địa vật lý, phân tích mẫu là để phục vụ các dự án thăm dò được TKV giao cho.

Công tác thăm dò đòi hỏi cần phải có độ tin cậy cao, để có tài địa chất chính xác phục vụ các dự án khai thác khoáng sản, tài liệu địa chất kém sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của việc đầu tư khai thác mỏ. Chính vì mức độ quan trọng của công tác thăm dò, để có tài liệu địa chất chính xác nhấtthì việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là rất cần thiết, làm tốt công tác này sẽ tránh được những sai sót đối với việc cập nhật tài liệu địa chất.

Hiện nay hệ thống quản lý chất lượng thăm dò được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên & Môi trường và các quy định của Tập đoàn TKV, như sau:

- Các đơn vị kiểm tra, giám sát ngoài Công ty:
  - Đơn vị tư vấn: Là đơn vị lập đề án và giám sát chất lượng thi công.
  - Chủ đầu tư: Là đơn vị được Tập đoàn TKV ủy quyền giám sát công trình
  - Giám sát thi công: là đơn vị độc lập ngoài Tập đoàn TKV, được cơ quan chuyên ngành của Bộ Tài nguyên & Môi trường chỉ định.
- Kiểm tra, giám sát trong Công ty:
  - Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty là các kỹ sư địa chất, kỹ thuật thi công thường xuyên có mặt tại vị trí thi công khoan để cập nhật tài liệu địa chất và chỉ đạo việc tuân thủ quy phạm thăm dò để nâng cao chất lượng công trình.
  - Ngoài công tác giám sát của các đơn vị trên, theo quy định hiện hành các công trình khoan sau khi kết thúc thi công sẽ tiến hành đo kiểm tra chất lượng thăm dò, bằng phương pháp đo Địa vật lý Carota là thiết bị phản ánh khách quan về địa tầng, chất lượng vỉa khoan qua và các chỉ tiêu khác theo yêu cầu của đề án đề ra.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng các quy trình, quy chế quản lý, quản trị Công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiến hành xây dựng và áp dụng bổ sung các quy chế hoạt động công ty theo các quy định pháp luật có liên quan.

❖ ***Hoạt động Marketing***

Công ty là công ty con của Tập đoàn TKV, theo đó dịch vụ khoan, thăm dò địa chất của Công ty chủ yếu phục vụ thị trường nội bộ của TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện các dự án khai thác mỏ của Tập đoàn TKV. Theo đó hoạt động marketting đối với dịch vụ này của Công ty chưa được chú trọng. Hoạt động marketting do Ban giám đốc thực hiện chưa phân xuống cấp phòng. Hiện tại, Công ty tập trung chú trọng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng ở mức tốt nhất và đáp ứng đúng tiến độ của chủ đầu tư nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đang thực hiện xây dựng thương hiệu của Công ty với các doanh nghiệp cùng ngành và tìm kiếm khai thác thêm các hợp đồng cung cấp dịch vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Đối với dịch vụ chăm sóc, điều dưỡng tập trung gồm tắm khoáng nóng và xoa bóp dưỡng sinh. Trung tâm khoáng nóng của Công ty phụ trách việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ đến các công ty trong Tập đoàn TKV và người dân trong tỉnh Quảng Ninh.

❖ ***Nhãn hiệu thương mại***

Hiện nay, Công ty đã có trên 20 đề tài, hàng trăm sáng kiến tiến bộ kỹ thuật có giá trị được áp dụng vào sản xuất, làm lợi trên hàng trăm tỷ đồng, trong đó tiêu biểu là các đề tài, sáng kiến như "sử dụng phụ gia dung dịch khoan LIQUI-POL để sản xuất dung dịch khoan, thay cho dung dịch sét bentonit, đất sét tươi dùng trong khoan thăm dò", sáng kiến "giải pháp công nghệ thông tin VMG qua 02 phần mềm VMG 5.0 và phần mềm VMG-BAUXIT 5.0 trong công tác thành lập tài liệu địa chất". Trong đó, phần mềm VMG 5.0 có Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do Cục bản quyền tác giả chứng nhận số 3178/2009/QTG ngày 09/9/2009.

Logo của Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ Bộ KHCN cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 146393 theo QĐ số 9250/QĐ-SHTT ngày 12/5/2010 và có thời hạn đến 07/10/2018.

Ngoài ra, Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty phải trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV hàng năm cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

❖ ***Các hợp đồng hợp tác kinh doanh***

Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết:

Bảng 5: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số hiệu hợp đồng	Loại hình hợp đồng	Đối tác	Hiệu lực	Giá trị (triệu đồng)
1	Số 31/HĐ-TVD-ĐCM ngày 12/5/2015	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty CP than Vàng Danh - TKV	Đến 31/12/2015	50.830
2	Số 424/HĐ-VHGC ngày 30/10/2014	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Hòn Gai - TKV (Đề án thăm dò mỏ than Bình Minh)	Đến 31/12/2015	126.979
3	Số 242/HĐ-VHGC ngày 01/8/2014	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Hòn Gai - TKV (Đề án TD mỏ than Suối Lại)	Đến 31/12/2015	62.916
4	Số31B/HĐ-VTNC-ĐCM ngày 15/5/2015	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Thống Nhất - TKV	Đến 31/12/2015	17.126
5	Số 06/HĐKT-TUB-ĐCM ngày 23/1/2014	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Uông Bí - TKV (Đề án TD mỏ than Tràng Bạch)	Đến 31/12/2015	129.387

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV)

10. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

10.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 6: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm năm 2015 so với năm 2014
Tổng giá trị tài sản	308.881	323.199	4,64%
Vốn chủ sở hữu	80.747	80.747	0,00%
Doanh thu thuần	432.885	454.436	4,98%
Lợi nhuận từ HĐKD	53.042	61.654	16,24%
Lợi nhuận khác	433	612	41,34%
Lợi nhuận trước thuế	9.374	9.418	0,47%

Lợi nhuận sau thuế	7.312	7.304	-0,11%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

10.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- ***Thuận lợi***

Công ty có truyền thống gần 60 năm hoạt động chuyên ngành thăm dò địa chất, cơ sở hạ tầng, thiết bị đầu tư hiện đại đồng bộ được bổ sung thường xuyên, cùng với các kỹ sư chuyên ngành có đủ trình độ, kinh nghiệm, đội ngũ công nhân lành nghề có tay nghề cao thực hiện tốt mọi yêu cầu đề ra. Về việc làm, Công ty được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, bằng nguồn vốn được trích trong giá thành của sản phẩm tiêu thụ và được quản lý tập trung tại TKV để thực hiện công tác khảo sát, thăm dò theo quy hoạch phát triển ngành than của TKV, do vậy nhìn chung có đủ việc làm cho người lao động. Ngoài kế hoạch SXKD được TKV giao hàng năm, Công ty còn tổ chức các dịch vụ về địa chất khác để tăng nguồn thu cho doanh nghiệp.

Công ty đã đầu tư được nhiều trang thiết bị hiện đại, giúp giảm thiểu tối đa sức người lao động, giúp tăng năng suất hoạt động và mang lại sự đảm bảo an toàn cho người lao động. Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty cũng không ngừng nâng cao, cải tiến cơ sở vật chất giúp người lao động trong Công ty được làm việc trong môi trường tốt nhất và phát huy năng lực làm việc.

Các dự án Công ty đang thực hiện chủ yếu tập trung tại tỉnh Quảng Ninh, do đó Công ty có thuận lợi nhất định về địa bàn hoạt động.

- ***Khó khăn***

Công ty là đơn vị làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới…do vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước...nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

Mặt khác, đơn giá trong công tác khảo sát thăm dò thường không được điều chỉnh kịp thời theo các chế độ chính sách mới và giá cả vật tư đầu vào thường có xu hướng ngày càng tăng, ảnh hưởng đến giá vốn và doanh thu thuần của Công ty, khiến Công ty khó có thể điều chỉnh giá vốn và doanh thu ở mức hợp lý, có lợi cho sự phát triển của Công ty.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Từ năm 1990, sau khi tách chuyển Liên đoàn địa chất 9 về Bộ Năng lượng và thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản thì gần như các đơn vị trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản và Khai thác khoáng sản không làm nhiệm vụ khảo sát thăm dò than. Toàn bộ nhiệm vụ này do Công ty Địa chất Mỏ - TKV cùng một số đơn vị khảo sát thuộc Bộ Năng lượng đảm nhiệm. Do đó, Công ty Địa chất Mỏ có hơn 50 năm kinh nghiệm trong khoan thăm dò than tại vùng Quảng Ninh, đồng bằng sông Hồng.

Trong hơn 50 năm đó, gần 550 báo cáo địa chất của Công ty là tài sản vô giá được kết tính từ bàn tay, trí óc, mồ hôi của lớp lớp những người địa chất. Từ kết quả các phương án báo cáo đó, hàng loạt các mỏ mới được hình thành. Đây cũng là cơ sở tài liệu vững chắc để ngành Than - Khoáng sản Việt Nam phát triển bền vững. Đặc biệt, trong 10 năm gần đây sản lượng khai thác than của Tập đoàn không ngừng tăng lên, việc đảm bảo tài nguyên cho TKV duy trì tốc độ tăng trưởng là nhiệm vụ quan trọng, do đó đòi hỏi chất lượng các phương án, báo cáo địa chất phải thật chính xác. Đồng thời, căn cứ vào kết quả thăm dò địa chất của Công ty tại bể than Đông Bắc, các mỏ Đèo Nai, Cọc Sáu, Núi Béo,... đã nâng được công suất khai thác hàng năm đáng kể.

Cùng với đó, trước yêu cầu cấp bách đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia mà TKV là một trong ba trụ cột, Công ty đã chủ động đề xuất và xây dựng đề án tìm kiếm thăm dò than dưới sâu mức -300 bể than Đông Bắc, được Thủ tướng chính phủ phê duyệt cho thực hiện giai đoạn 1. Theo kết quả thu được ban đầu, dự báo tài nguyên dưới mức -300 bể than khoảng 4,553 tỷ tấn. Đây sẽ là tiền đề quan trọng để Tập đoàn xây dựng các mỏ mới và mở rộng phát triển các mỏ sâu hơn.

Trong lĩnh vực đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học tiên tiến, Địa chất mỏ đạt được nhiều thành tích. Từ năm 2001 đến nay, chỉ tiêu kế hoạch khảo sát thăm dò Tập đoàn giao cho Công ty hằng năm đều tăng. Để hoàn thành kế hoạch, Công ty đã trực tiếp chỉ đạo đổi mới công nghệ trong khoan thăm dò, chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học, đầu tư thiết bị khoan tiên tiến hiện đại với mục tiêu giảm chi phí giá thành mét khoan, tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện người lao động.

11.2. Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực khoan thăm dò than của Công ty phụ thuộc vào nhu cầu khai thác, sản xuất than của Tập đoàn và thị trường. Than là một ngành then chốt đối với nền kinh tế Việt Nam do đó Nhà nước trực tiếp chỉ đạo và điều tiết các hoạt động kinh doanh nhằm góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Theo chỉ đạo mới của Nhà nước tới năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì một số Đề án về thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đang được đưa vào hoạt động. Bên cạnh đó tiếp tục bổ sung thăm dò và thăm dò mới các vung than Bình Minh, Khoái Châu trên diện tích 85,5 Km2 tỉnh Hưng Yên và dải than Đông Triều – Phả Lại.

Để đáp ứng nhu cầu trong nước góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nên ngành Than đã dự kiến đến năm 2015 đạt 50 – 55 triệu tấn, năm 2020: 50 – 60 triệu tấn, năm

2025: 70 – 75 triệu tấn. Định hướng phát triển nói trên là cần thiết, nhất là những năm tới khi các dự án nhiệt điện, sản xuất xi măng có công suất lớn đi vào hoạt động thì sức tiêu thụ của các mảng này cũng cần tới 14 – 15 triệu tấn than/năm.

Trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (trung bình 35% tổng cầu). Theo quy hoạch phát triển ngành điện, Việt Nam sẽ phát triển thêm 3000 MW nguồn nhiệt điện than và tối thiểu 4500-5500 MW, nguồn nhiệt điện trong năm tiếp theo với dự kiến tốc độ tăng trưởng của điện khoảng 7,5% - 8%/1 năm cùng nhiều dự án về điện đang được triển khai.

Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hóa chất,… cũng đang có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này mang lại dấu hiệu tích cực về sức cầu than trong những năm tới và đó cũng là gián tiếp khẳng định nhu cầu khoan thăm dò địa chất nói chung và khoan thăm dò than nói riêng có điều kiện phát triển.

12. Chính sách đối với người lao động

12.1.Cơ cấu lao động

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của công ty là **1.043** người với cơ cấu như sau:

Bảng 7: Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	**1.043**	
- Trên đại học	07	0,67
- Đại học	269	25,79
- Trung cấp, cao đẳng	79	7,57
- Lao động phổ thông	31	2,97
- Công nhân kỹ thuật	657	62,99
Phân theo HĐ lao động	**1.043**	
- Hợp đồng không xác định thời hạn	1.023	98,08
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	3	0,29
- Hợp đồng thời vụ	17	1,63
Phân theo giới tính	**1.043**	
- Nam	836	80,15
- Nữ	207	19,85

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV)

12.2.Chính sách đối với người lao động

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực

hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân của CBCNV tổn định qua các năm, cụ thể:

  + Năm 2013: 7.383.000 đồng/người/tháng.

  + Năm 2014: 7.154.000 đồng/người/tháng.

  + Năm 2015: 8.030.000 đồng/người/tháng.

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.

- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.

- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

13. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty quy định, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Từ năm 2015 trở về trước Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước. Năm 2015, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đến thời điểm 01/01/2016, Công ty bắt đầu chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

14. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

Số liệu tại báo cáo kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015 có một số khoản mục chi tiết tại thời điểm 31/12/2014 và 01/01/2015 đã được phân loại lại một số chỉ tiêu tài chính tại thời cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể các điều chỉnh được nêu rõ trong thuyết minh báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

❖ **Trích khấu hao TSCĐ**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phần mềm quản lý	03

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV)

Tùy theo khả năng tài chính của từng năm, Công ty có thể tính khấu hao nhanh không quá 2 lần khung khấu hao trên đối với một số tài sản là máy móc thiết bị, nhưng phải đảm bảo mục tiêu lợi nhuận và cổ tức theo kế hoạch hàng năm đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để thành lập quỹ dự phòng và các quỹ khác mà pháp luật yêu cầu. Số dư các quỹ qua các năm của Công ty như sau:

Bảng 8: Bảng trích lập các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.798	7.670

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

Trong đó, Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ, đầu tư mở rộng quy mô hoạt động SXKD, đổi mới công nghệ trang thiết bị hoặc sử dụng để đầu tư góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần.

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 9: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
I	khoản phải thu ngắn hạn	206.293	212.747

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
1	Phải thu khách hàng	188.405	209.036
2	Trả trước người bán	73	2.723
3	Phải thu nội bộ	-	-
4	Các khoản phải thu khác	17.923	988
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(108)	-
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**-**	**-**
	Tổng cộng	**206.293**	**212.747**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
1	**Vay và Nợ ngắn hạn**	91.725	117.274
2	**Vay và nợ dài hạn**	7.398	4.481
	Tổng cộng	**99.123**	**121.755**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Khoản vay giữa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV với ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh theo hợp đồng số 01/2015/482400 ngày 08/07/2015; Lãi suất thả nổi theo từng lần giải ngân; Thời hạn vay 12 tháng; Hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng; Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là: 31.086.688.452 đồng; Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động, mở LC; Phương thức đảm bảo: Tín chấp.

Khoản vay giữa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả theo Hợp đồng số 302/2015/00001084 ngày 21/05/2015; Lãi suất vay 4,2%/năm và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần; Thời hạn vay trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; Han mức tín dụng 40 tỷ đồng; Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 30.850.301.741 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động; Phương thức đảm bảo: Tín chấp.

Khoản vay giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng số 798/2014/HĐHM-PN/SHB/110300 ngày 25/12/2014; Lãi suất thả nổi theo từng lần giải ngân; thời hạn vay trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; Hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng; Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 28.076.728.008 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động; Phương thức đảm bảo: Tín chấp.

Khoản vay giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cẩm Phả theo Hợp đồng số 01/2014/HM/NTQN-DCM ngày 24/12/2014; thả nổi theo thông báo của

Ngân hàng; Thời hạn vay trên giấy nhận nợ nhưng tối đã không quá 6 tháng; Hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng; Số dư nơ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là: 24.640.330.279 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động; Phương thức đảm bảo: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Khoản vay giữa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV với ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 01/2014/482400/HĐTD: lãi suất cho vay 10,5%/năm và được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày rút vốn đầu tiên: Thời hạn vay 60 tháng; Tổng giá trị các khoản vay là 5.830.000.000 đồng; Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 của các Hợp đồng Vay là 3.306.200.000 đồng; Số dư nợ gốc đến hạn trả năm 2016 là 1.240.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Đầu tư dự án duy trì xuất năm 2014; Phương thức đảm bảo khoản vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Khoản vay giữa Công ty TNHh MTV Địa chất Mỏ - TKV với Ngân hàng TMCP Đầu tưu và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng vay số 01/2014/482400/HĐTD; Lĩa suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 5,5%/năm; Thời hạn vay 60 tháng; Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 cảu các Hợp đồng vay là 3.795.000.000 đồng; Số dư nợ gốc đến hạn trả năm 2016 là 1.380.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Đầu tư dự án duy trì sản xuất năm 2013; Phương thức đảm bảo khoản vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 10: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
I	**Nợ ngắn hạn**	**220.735**	**234.389**
1	Vay và nợ ngắn hạn	91.725	117.274
2	Phải trả người bán	55.612	60.345
3	Người mua trả tiền trước	-	2.926
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.198	13.690
5	Phải trả người lao động	39.458	26.299
6	Chi phí phải trả	3.324	675
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.620	5.508
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.798	7.671
II	**Nợ dài hạn**	**7.398**	**4.481**
1	Vay và nợ dài hạn	7.398	4.481
	Tổng cộng	**228.133**	**238.870**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Bảng 11: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,05	0,97
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,99	0,91
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	lần	0,74	0,74
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,83	2,83
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	lần	31,35	33,65
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,40	1,41
4. Khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,69%	1,61%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,06%	9,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,37%	2,26%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,07%	1,94%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

15. Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

15.1. Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015

Bảng 12: Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Tài sản cố định hữu hình	245.850	64.923	26,4
	- *Nhà cửa, vật kiến trúc*	*63.409*	*36.349*	*57,32*
	- *Máy móc thiết bị*	*128.722*	*22.939*	*17,82*
	- *Phương tiện vận tải*	*53.077*	*5.398*	*10,17*
	- *Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*642*	*237*	*36,92*
2	Tài sản cố định vô hình	3.565	2.254	63,23
3	Chi phí xây dựng dở dang	9.909	9.909	100
	Tổng cộng	**259.324**	**77.086**	**29,72**

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

❖ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
1	Khoan ĐCCT nhà ở CBCNV khu Đồi Xôi	0	0
2	Khoan khảo sát công trình khu nghỉ dưỡng Đá Chồng	20.756.642.699	8.789.876.552
3	Dự án khu di tích địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam	0	9.916.690.299
4	Nhà xưởng cơ khi và kho vật tư Công ty	0	185.284.304
5	Chi phí đầu tư thiết bị duy trì sản xuất	0	(8.181.819)
Tổng		**20.756.642.699**	**9.908.508.480**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV)

15.2. Tình hình đất đai của Doanh nghiệp tại thời điểm 27/01/2016

Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng:

Bảng 13: Tình hình đất đai của Công ty

TT	Vị trí	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
1.	Số 304 đường Trần, Phú, Cẩm Thành, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	6.865	Làm trụ sở làm việc	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 2026	Hợp đồng thuê đất Số 406/HĐTĐ ngày 02/12/2013
2.	Khu Đồi xôi phường Cẩm Thành, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	4.113,46	Trụ sở làm việc, đội xe (Khu Đồi Xôi)	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 2017	Hợp đồng thuê đất Số 07/HĐ/TĐ ngày 21/01/1998
3.	Km5 phường Cẩm Thạch, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	7.462,4	Đất xây dựng trụ sở, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 2056	Hợp đồng thuê đất Số 373/HĐTĐ ngày 18/11/2013
4.	Km4 phường Cẩm Thạch, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	35.522	Khu nghỉ dưỡng phục vụ CBCNV Tập đoàn và nhân dân địa phương	Đất thuê trả tiền hàng năm	Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND tỉnhQuảng Ninh Đang hoàn thiện Hợp đồng thuê đất
5.	Tổ 127 phường Cẩm Sơn, Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh	6.581,02	Khu đất trưng dụng xây dựng làng công nhân Địa chất 908	Đất thuê trả tiền hàng năm	(QĐ số: 1120/QĐ-UB ngày 12/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Trưng dụng đất xây dựng)
6.	Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	33.000	Khu đất xây dựng trụ sở làm việc, kho XN Địa chất Đông Triều	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 08/9/2053	Hợp đồng thuê đất Số 28/HĐTĐ ngày 14/02/2014
7.	Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	13.011,6	Khu đất thực hiện dự án cải tạo môi trường	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn	Hợp đồng thuê đất Số: 114/HĐ-TD ngày 14/7/2015

TT	Vị trí	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
				thuê 30 năm đến 02/12/2044	
8.	Phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông	5.348	Văn phòng làm việc và trung tâm thí nghiệm	Đất có giấy chứng nhận QSD đất đến năm 2059	Giấy chứng nhận QSD đất số AP697061 ngày 30/10/2009
	Tổng	**111.903,48**			

(Nguồn: Công ty cổ phần Địa chất Mỏ - TKV)

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2015 - 2016 như sau:

Bảng 14: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015			Năm 2016	
			Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2015
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	90.000	80.747	89,72	108.000	20
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	408.798	454.437	111,64	444.850	8,81
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.000	9.418	188,36	10.000	100
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.900	7.304	187,28	8.000	105
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,95	1,61	-	1,8	-
7	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	4,3	9,04	-	7,41	-
8	Cổ tức	%	-	-	-	5,0	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 25/12/2015- CTCP Địa chất Mỏ - TKV)

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch**

- Tập trung chỉ đạo SXKD theo nội dung chương trình hành động, Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết Hội nghị Người lao động năm 2015, nhằm thực hiện tốt nhất, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2015.

- Tích cực đổi mới công tác quản lý, hoàn thiện công nghệ thi công thăm dò trong các vùng khó khăn như khoan qua tầng đá thải lớn, qua lò, trượt tầng, sập lở mất nước...

mở rộng các loại hình dịch vụ kỹ thuật, phục vụ yêu cầu về quản lý kỹ thuật công nghệ khai thác tài nguyên, khoáng sản của TKV.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư, áp dụng công nghệ mới, hiện đại, phù hợp nhằm không ngừng nâng cao năng suất khoan thăm dò, đặc biệt trong điều kiện địa tầng phức tạp khó khăn.

- Đặc biệt cần tăng cường đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật và các biện pháp đảm bảo an toàn. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên để phát hiện, ngăn ngừa nguy cơ xảy ra sự cố công trình, sự cố thiết bị, tai nạn lao động, hậu quả do mưa bão gây ra, đảm bảo sản xuất an toàn.

- Thực hiện đúng tiến độ các đề án thăm dò, hoàn thành các báo cáo địa chất với chất lượng có độ tin cậy cao để phục vụ các dự án khai thác than trước mắt và lâu dài theo quy hoạch phát triển ngành than TKV; Thực hiện tốt công tác chuẩn bị trước khi thi công các công trình địa chất, giảm thiểu thời gian chờ đợi ngừng nghỉ của các tổ máy.

- Thực hiện tốt quy chế ĐTXDCB do nhà nước, Tập đoàn ban hành, đặc biệt thực hiện tốt trình tự đầu tư, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao.

- Tiếp tục hoàn thiện tốt hơn nữa công tác khoán, quản trị chi phí ở tất cả các hoạt động SXKD từ bộ phận trực tiếp đến gián tiếp, trên tinh thần tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm; Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện việc sắp xếp bố trí lao động hợp lý sau khi thực hiện xong kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Chủ động mở rộng thị trường khảo sát, thăm dò và dịch vụ du lịch địa chất trong và ngoài Tập đoàn, để không ngừng tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

- Quan tâm thiết thực ngày một tốt hơn đến cơ sở vật chất nơi làm việc và đời sống sinh hoạt của người lao động, nhất là những đối tượng là lao động trực tiếp, tạo điều kiện cho người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, thi đua hăng say lao động, với mục tiêu tăng năng suất lao động, chất lượng tốt và hiệu quả kinh tế cao.

17. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

18. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Huy động mọi nguồn vốn đầu tư để mở rộng sản xuất, kinh doanh.
- Doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, ổn định và từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
- Chủ động mở rộng thị trường khảo sát, thăm dò và dịch vụ du lịch địa chất trong và ngoài Tập đoàn.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có)

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Vũ Văn Mạnh	Thành viên HĐQT – Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Lê Văn Lân	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	Thành viên điều hành
4	Phạm Văn Ngôn	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	Thành viên điều hành
5	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

1.2. Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

1.1.1. Ông Nguyễn Văn Dậu – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	**Nguyễn Văn Dậu**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/10/1957
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Thành phố Uông bí, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100773145
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác
Quá trình công tác	
- Từ 3/1982-8/1982	Công nhân Khai thác mỏ - Mỏ than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 9/1982- 5/1993	Nhân viên phòng Kỹ thuật- Mỏ than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 6/1993-7/1994	Quản đốc phân xưởng khai thác I - Mỏ than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 8/1994- 02/1995	Trợ lý Giám đốc mỏ than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 3/1995- 7/1999	Phó Giám đốc mỏ than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh.

- Từ 7/2000- 9/2007	Giám đốc Công ty than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 10/2007-12/2010	Giám đốc Kho vận Đá Bạc- TKV, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 01/2011-5/2015	Giám đốc Kho vận Hòn Gai- Vinacomin, Hạ Long, Quảng Ninh
- Từ 6/2015- 7/2015	Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)
- Từ 7/2015 – 10/2015	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV; kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
- Từ 11/2015 – 12/2015	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV; kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
- Từ 01/2016 – 02/2016	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch HĐQT cổ phần Địa chất mỏ - TKV; kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
- Từ 02/2016 đến nay	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch HĐQT cổ phần Địa chất mỏ - TKV; kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	- Trưởng ban quản lý vốn TKV tại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần than Mông Dương-Vinacomin - Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Môi Trường - TKV - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	10.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn TKV tính đến ngày 08/03/2016	9.351.800 cổ phần tương ứng 86,59% tổng số cổ phần của Công ty

Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	5.400.000đ

1.1.2. Ông Vũ Văn Mạnh – Thành viên HĐQT điều hành – Giám đốc Công ty

Họ và tên	**Vũ Văn Mạnh**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/11/1958
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Chứng minh nhân dân	013410499
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khoan thăm dò; Kỹ sư QTDN
Quá trình công tác	
- Từ 9/1985- 9/1995	Công nhân vận hành khoan máy Đoàn 905, Hà Lầm, Hòn Gai, Quảng Ninh
- Từ 10/1995- 02/1996	Tổ trưởng khoan máy Đoàn 905, Hà Lầm, Hòn Gai, Quảng Ninh
- Từ 3/1996-11/1996	Phụ trách phòng điều độ sản xuất Xí nghiệp 905, Hà Lầm, Hòn Gai, Quảng Ninh
- Từ 12/1996- 9/1998	Trưởng phòng điều độ sản xuất Xí nghiệp 905, Hà Lầm, Hòn Gai, Quảng Ninh
- Từ 10/1998-8/2001	Cán bộ phòng Kỹ thuật sản xuất- Môi trường Xí nghiệp 908, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 9/2001-9/2002	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp 908, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 10/2002-12/2002	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Cẩm phả, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2003-06/2004	Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Cẩm phả, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 7/2004-01/2006	Phó Giám đốc Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Cẩm phả, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 02/2006-7/2006	Trợ lý Giám đốc Công ty Địa chất mỏ - TKV, Cẩm Phả, Quảng Ninh

- Từ 8/2006-6/2013	Giám đốc Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Đông Triều, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 7/2013 -12/2015	Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2016 đến nay	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất Mỏ - TKV, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	13.500 cổ phần tương ứng 0,125% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.000đ

1.1.3. Ông Lê Văn Lân - Thành viên HĐQTđiều hành

Họ và tên	**Lê Văn Lân**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/01/1960
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Thành phố Uông bí, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	022060000079
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Địa chất thăm dò
Quá trình công tác	
- Từ 5/1985-5/1999	Kỹ sư Đoàn Địa chất 909, Vàng Danh, Uông bí , Quảng Ninh
- Từ 6/1999- 12/2002	Trưởng phòng Kỹ thuật Địa chất, Xí nghiệp Địa chất 909, Vàng Danh, Uông bí , Quảng Ninh
- Từ 01/2003- 4/2006	Phó phòng Kỹ thuật Địa chất, Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Đông Triều, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 5/2006- 8/2007	Trưởng phòng Kỹ thuật Địa chất, Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Đông Triều, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh

- Từ 9/2007- 3/2008	Phó Giám đốc, Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Đông Triều, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 4/2008-12/2008	Trợ lý giám đốc Công ty Địa chất mỏ- Vinacomin, Cẩm phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2009- 5/2011	Trưởng phòng Địa chất Công ty Địa chất mỏ- Vinacomin, Cẩm phả, Quảng Ninh
- Từ 6/2011 – 12/2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ- TKV, Cẩm phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2016 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ- TKV, Cẩm phả, Quảng Ninh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQTkiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ- TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	11.000 cổ phần tương ứng 0,1% tổng cổ cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Họ và tên: Vũ Thị Tâm Số CMND: 100801078 Địa chỉ liên hệ: Tổ 3, Khu 2, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh Quan hệ: Vợ Số cổ phần sở hữu: 2.110 cổ phần
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.000đ

1.1.4. Ông Phạm Văn Ngôn – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	**Phạm Văn Ngôn**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/09/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100650188
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện

Quá trình công tác

- Từ 01/1986- 02/2002	Cơ khí sửa chữa Đoàn 906, Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 3/2002-12/2003	Nhân viên phòng Sản xuất Xí nghiệp 906 Yên Thọ, Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Từ 01/2004-02/2005	Công nhân sửa chữa phục vụ khoan máy Xí nghiệp địa chất Trắc địa Đông Triều
- Từ 3/2005-3/2013	Trưởng phòng Vật tư Công ty Địa chất mỏ - TKV, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 04/2013-04/2014	Giám đốc Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 5/2014 -12/2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV Cẩm phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2016 đến nay	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	17.900 cổ phần tương ứng 0,17% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Họ và tên: Bùi Thúy Nga Số CMND: 100508192 Địa chỉ liên hệ: Yên Thọ, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh Quan hệ: Vợ Số cổ phần sở hữu: 3.200 cổ phần
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.00đ

1.1.5. Ông Phạm Tuấn Ninh – Thành viên HĐQT

Họ và tên	**Phạm Tuấn Ninh**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/02/1962
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú	Phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100682826
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư trắc địa mỏ
Quá trình công tác	
- Từ 1982 – 6/2000	Qua các vị trí công tác: Cán Bộ kỹ thuật, Tổ trưởng chuyên môn tại phòng Trắc địa - Địa chất, Phòng Kỹ thuật Công ty than Mạo khê; Phó trưởng phòng Kỹ thuật phụ trách công tác Trắc địa, địa chất Công ty than Mạo khê (1997 - 6/2000)
- Từ 6/2000 – 2002	Chuyên viên ban Địa chất – Trắc địa thuộc Tổng công ty than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV)
- Từ 2002 – 2007	Phó kỹ sư trưởng trắc địa thuộc TKV
- Từ 2007 – 12/2009	Phó phòng Địa chất – Trắc địa thuộc thuộc Khối công nghiệp than- TKV
- Từ 01/2010 đến nay	Phó ban Tài nguyên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ hiện nay	Phó ban Tài nguyên Tập đoàn TKV kiêm Thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	Không
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.000đ

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 người, trong đó:

1. Bà – Lê Thị Kim Dung : Trưởng ban Kiểm soát
2. Ông – Hoàng Kim An : Thành viên
3. Bà – Nguyễn Đức Luận : Thành viên

<u>Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên Ban kiểm soát</u>

2.1. Bà Lê Thị Kim Dung – Trưởng ban Kiểm soát

Họ và tên	**Lê Thị Kim Dung**
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/8/1972
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Phường Cẩm Trung, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100502268
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ 6/1992- 9/1998	Nhân viên Kế toán phòng Tài chính kế toán Công ty Địa chất và Khai thác Khoáng sản, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 10/1998- 4/2003	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Địa chất và khai thác Khoáng sản, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 5/2003 -12/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV
- Từ tháng 01/2016 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	6.800 cổ phần tương ứng 0,06% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không

2.2. Ông Hoàng Kim An - Thành viên

Họ và tên	**Hoàng Kim An**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/4/1966
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100.626.105
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ 10/1985-11/1986	Công nhân Đào hào Đoàn 901, Cẩm Phả, Quảng Ninh.
- Từ 12/1986-11/1987	Công nhân sản xuất Đá vôi Xí nghiệp 916, Quang Hanh, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Từ 12/1987-03/1990	Học sinh trường nghiệp vụ Kinh tế địa chất Hải Dương
- Từ 4/1990-11/1990	Bảo vệ Đoàn 916 Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 12/1990-12/1998	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán Đoàn 909 Vàng Danh
- Từ 01/1999-12/2002	Trưởng phòng Kế toán tài chính Xí nghiệp 905, Vân Đồn, Quảng Ninh
- Từ 01/2003-4/2003	Phó phòng Tài chính Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Đông Triều, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 05/2003-04/2009	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Địa chất Công ty Địa chất mỏ- Vinacomin, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 05/2009- 4/2014	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 5/2014- 02/2015	Quyền trưởng phòng Thanh Tra- Bảo vệ- Kiểm Toán Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ- TKV, Cẩm phả, Quảng Ninh
- Từ 3/2015 -12/2015	Trưởng phòng Thanh Tra- Bảo vệ- Kiểm Toán Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ- TKV, Cẩm phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2016 đến nay	Trưởng phòng Thanh Tra- Bảo vệ- Kiểm Toán kiêm Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ- TKV, Cẩm phả, Quảng Ninh
Chức vụ hiện nay	Trưởng phòng Thanh Tra- Bảo vệ - Kiểm Toán kiêm Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ- TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	7.000 cổ phần tương ứng 0,064% tổng số cổ phần của Công ty

Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.200.000đ

2.3. Ông Nguyễn Đức Luận - Thành viên

Họ và tên	**Nguyễn Đức Luận**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/01/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Phường Cẩm Thành, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	151349476
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư địa chất
Quá trình công tác	
- Từ 4/2002- 12/2002	Nhân viên phòng Kỹ thuật Địa chất Xí nghiệp 909, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 01/2003-3/2011	Nhân viên phòng Kỹ thuật Địa chất Xí nghiệp Địa chất Trắc địa Đông Triều, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 4/2011-9/2013	Phó phòng Kỹ thuật Địa chất Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Đông Triều, Quảng Ninh
- Từ 10/2013 -12/2015	Phó phòng Địa chất Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ- TKV, Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Từ 01/2016 đến nay	Phó phòng Địa chất kiêm Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ- TKV
Chức vụ hiện nay	Phó phòng Địa chất kiêm Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ- TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	3.290 cổ phần tương ứng 0,03% tổng số cổ phần của Công ty
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.200.000đ

3. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty vừa thực hiện chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần, do vậy công tác quản trị công ty cổ phần đối với Công ty là khá mới. Ban đầu, Công ty cơ cấu lại nhân sự, tập trung đào tạo nhân sự chủ chốt là các cán bộ quản lý, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công ty cổ phần. Đồng thời, Công ty sẽ xây dựng một số quy trình như quy trình công bố thông tin, mời họp ĐHĐCĐ... Xây dựng cơ chế giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty; giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

IV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 4 năm 2016

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

GIÁM ĐỐC	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
VŨ VĂN MẠNH	**NGUYỄN VĂN DẬU**
PHỤ TRÁCH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
NGUYỄN THỊ HỒNG LAN	**LÊ THỊ KIM DUNG**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH TÙNG